

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2026/DS-PT

Ngày: 23 - 4 - 2026

V/v tranh chấp về thực hiện
nghĩa vụ về tài sản
do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuyền, bà Đoàn Thị Hương Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mùi Nái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham dự phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại; do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng) bị kháng cáo và kháng nghị; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2026/QĐXX-PT ngày 28 tháng 01 năm 2026, các quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị C, sinh năm 1960; số CCCD:036160001949; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Vũ Quang A, sinh năm 2001; số CCCD: 036201012311; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là thôn Đ, xã L, tỉnh Ninh Bình); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Văn C1 và ông Vũ Văn T - Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt luật sư C1.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1960 (đã chết)

2.2. Anh Nguyễn Bá K, sinh năm 1985; số CCCD: 030085003145; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là thôn H, xã Đ, thành phố Hà Nội); có mặt.

2.3. Chị Nguyễn Thanh Thủy V, sinh năm 1983; số CCCD: 030183002383; địa chỉ: Tổ D, khu T, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội (nay là Tổ D, khu T, xã X, thành phố Hà Nội); có mặt.

Anh Nguyễn Bá K và chị Nguyễn Thanh Thủy V đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đặng Thị T1.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng TMCP Đ2 - Chi nhánh T3; địa chỉ: Số G, G, H T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Chị Tường Thị Hồng H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà F, tập thể 665 thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã Đ, thành phố Hà Nội); có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngô Thị C; bị đơn Nguyễn Bá K và Nguyễn Thanh Thủy V.

5. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân khu vực A - Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Ngô Thị C và người đại diện trình bày: Bà C là bạn đồng ngũ với ông Nguyễn Bá Đ. Từ năm 2014, bà C cho ông Đ vay tiền nhiều lần, ông Đ cũng trả tiền nhiều lần. Ngày 06/3/2017 hai bên chốt nợ, theo đó ông Đ đã làm Giấy vay tiền với nội dung ông Đ vay bà C số tiền 1.264.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC. Trong giấy vay không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng với nhau lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Sau khi chốt nợ ngày 06/03/2017, bà C còn cho ông Đ vay thêm một số lần nữa và ông Đ cũng đã trả cho bà số tiền vay sau này cùng với số tiền lãi của những khoản vay đó. Khoản nợ gốc theo Giấy vay tiền ngày 06/3/2017 và tiền lãi phát sinh từ ngày chốt nợ ông Đ chưa trả cho bà C. Ngày 23/02/2021, ông Đ chết. Bà C đã trực tiếp và thông qua Công ty L1 yêu cầu những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm vợ là bà Đặng Thị T1 và 02 con đẻ là chị Nguyễn Thanh Thủy V và anh Nguyễn Bá K thực hiện nghĩa vụ trả nợ do ông Đ để lại nhưng không được. Bà C khởi kiện yêu cầu những người thừa kế của ông Đ có nghĩa vụ thanh toán trả nợ số tiền gốc là 1.435.750.000 đồng gồm: Số tiền 1.264.000.000 đồng và giá trị 03 cây vàng SJC tương đương số tiền 171.750.000 đồng (Giá vàng SJC tại thời điểm 08 giờ 18 phút 39 giây ngày 14/9/2021 là 57.250.000 đồng/lượng); ngoài ra bà C yêu cầu trả lãi tính từ ngày 06/3/2017 đến ngày 06/9/2021 trên số nợ gốc 1.264.000.000 đồng là 568.800.000 đồng.

2. Bị đơn Đặng Thị T1 (khi còn sống), Nguyễn Thanh Thủy V, Nguyễn Bá K không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày: Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1958, chết ngày 23/02/2021 do bệnh ung thư hạch bạch huyết. Khi còn sống, ông Đ chưa bao giờ nói cho vợ con về việc có vay tiền, vàng của bà C và bà C cũng chưa bao giờ đòi ông Đ hay vợ con ông Đ khoản tiền hay vàng nào. Giấy vay tiền bà C xuất trình chỉ thể hiện ông Đ “có vay của cô C”, không có nội dung thể hiện ông Đ đã nhận đủ số tiền và vàng theo giấy vay. Do

vậy, anh, chị yêu cầu bà C xuất trình đầy đủ tài liệu chứng minh chi tiết việc bà C đã giao, ông Đ đã nhận đủ số tiền 1.264.000.000 và 3 cây vàng theo giấy vay. Số chứng minh thư nhân dân trên giấy vay tiền ngày 06/3/2017 mà bà C cung cấp không phải là số chứng minh nhân dân của ông Đ (Số chứng minh nhân dân của ông Đ là 013121264, nhưng trên Giấy vay tiền bà C cung cấp là 013120264). Giấy vay tiền chỉ thể hiện giao dịch cá nhân giữa hai người với nhau, là người vay và người cho vay (nếu có vay chỉ dùng vào mục đích cá nhân, không liên quan đến hoạt động chung của gia đình), không có tài sản thế chấp, không ghi mục đích vay, không hề có bên thứ ba hay người làm chứng, không có người bảo lãnh của gia đình. Giấy vay tiền này không thể hiện mức lãi suất cho vay; không thể hiện thời hạn cho vay và không có thời hạn trả nợ. Trong Giấy vay tiền không ghi đầy đủ họ tên người cho vay tiền, số chứng minh thư, địa chỉ người cho vay. Khi bà C đưa giấy vay tiền cho bà T1 sau khi ông Đ chết khoảng 20 ngày thì không có chữ ký và họ tên người cho vay. Nhưng trong Giấy vay tiền bà C cung cấp tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội lại có chữ ký và họ tên của người cho vay. Trong Giấy vay tiền ghi người vay là cá nhân ông Đ nhưng lại có con dấu của Trang trại đà điều Trung Kiên-CN công ty TNHH X (Trang trại đà điều Trung Kiên-CN công ty TNHH X được sở KH&ĐT tỉnh H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 08/03/2018). Theo các bản sao kê được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội cung cấp tài khoản ngân hàng của bà C từ năm 2018 đến năm 2020, tổng số tiền tài khoản của bà C chuyển sang tài khoản của ông Đ là 260.060.500 đồng. Tổng số tiền tài khoản ông Đ chuyển sang tài khoản bà C là 496.500.000 đồng. Số tiền chênh lệch giữa tài khoản của ông Đ chuyển sang tài khoản của bà C lớn hơn số tiền tài khoản của bà C chuyển khoản sang tài khoản của ông Đ là: 236.439.500 đồng. Toàn bộ nội dung các lần giao dịch giữa bà C và ông Đ chỉ ghi nội dung là “chuyển khoản”, không nêu rõ nội dung những giao dịch chuyển khoản này là giao dịch gì. Đồng thời, bị đơn yêu cầu bà C cung cấp sao kê toàn bộ tất cả tài khoản cá nhân của bà C từ ngày 06/03/2017 đến 23/02/2021.

Ông Đ qua đời có để lại các tài sản sau:

- Tài sản riêng của ông Đ:

Xe ô tô Honda Vios 5 chỗ BKS 29A-67725. (Hiện đang cầm cố (thế chấp khoản vay) để đầu tư sản xuất bởi ông Nguyễn Thế C2 ở N, Hải Dương); Sáu nghìn (6.000) cổ phần tại công ty cổ phần Đ3.

Công ty TNHH X1 Trang trại đà điều - CN công ty TNHH X (trong đó, vật nuôi và một số máy móc thiết bị hiện là tài sản của Nhà nước trang bị thực hiện dự án), hiện chị Tường Thị Hồng H đang quản lý với vai trò Phó Giám đốc.

- Tài sản chung với bà Đặng Thị T1 gồm:

Căn nhà tại địa chỉ số F, TT F, H, T, T, Hà Nội (diện tích 54,82 m², Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10123338029 cấp ngày 09/05/2001). Hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ2 (Hải Dương) để đầu tư phát triển sản xuất tại Trang trại.

Căn nhà tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 096222 cấp ngày 25/09/2008. Hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ2 (Hải Dương) để đầu tư phát triển sản xuất tại Trang trại.

- Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cung cấp ông Nguyễn Bá Đ và bà Đặng Thị T1 hiện đang nợ Ngân hàng B số tiền gốc 1.581.250.000 đồng, lãi 309.243.509 đồng (bà T1 và anh K, chị V đã trả 708.500.000 đồng; Bảo hiểm chi trả: 153.095.000 đồng; còn nợ: 1.028.897.616 đồng. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đang giải quyết. Ngày 12/3/2025 phía bị đơn cung cấp thêm 15 khoản vay với tổng tiền gốc là 5.886.452.578 đồng và 2,9 cây vàng (bà T1, anh K, chị V đã trả 2.229.481.544 đồng và 01 cây vàng).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng B - Chi nhánh T3 trình bày hiện đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Bá Đ và bà Đặng Thị T1, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/9933982/HĐTD ngày 01/4/2020 số dư còn lại đến thời điểm hiện tại là 41.243.205 đồng (trong đó: Nợ gốc 0 đồng; nợ lãi: 27.689.534 đồng; lãi quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: 13.553.671 đồng. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/9933982/HĐTD ngày 22/01/2021 và Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 25.01.2021/9933982/HĐTD ngày 25/01/2021 số dư còn lại đến thời điểm hiện tại: 963.737.052 đồng (trong đó nợ gốc 700.000.000 đồng; nợ lãi 180.657.534 đồng, nợ lãi quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn 83.079.518 đồng. Ngân hàng B - Chi nhánh T3 đề nghị không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Thị Hồng H trình bày: Hiện nay, chị đang quản lý, điều hành công ty X, chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn giống như quan điểm của bị đơn chị Nguyễn Thanh T2 V và anh Nguyễn Bá K.

5. Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2022, UBND xã T, huyện T, thành phố Hà Nội cung cấp: Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1958; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại số nhà F, ngách A đường P, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội có số CMND 013121264 do công an H2 cấp ngày 27/9/2008 và cư trú tại địa chỉ nêu trên. Theo hồ sơ quản lý của địa phương ông Nguyễn Bá Đ chết lúc 0 giờ ngày 23/02/2021 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; nguyên nhân chết: Do bệnh tật; Đã được đăng ký khai tử số 15, ngày 26/02/2021 tại UBND xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Bá Đ có vợ là bà Đặng Thị T1, sinh năm 1960, CMND số 012492793; Bà T1 có đăng ký thường trú tại H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; tạm trú tại: xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Ông Nguyễn Bá Đ và bà Đặng Thị T1 có 02 người con là: Anh Nguyễn Bá K, sinh ngày 04/10/1985; Đăng ký nhân khẩu thường trú tại: H, T, T, thành phố Hà Nội; Tạm trú tại: xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương và Chị Nguyễn Thanh Thủy V, sinh ngày

y 15/02/1983; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Tổ D, T, X, C, Hà Nội. Ngoài hai người con trên ra, ông Đ, bà T1 không còn con nuôi, con riêng nào khác. Hiện nay, ở T ông Đ đang đứng tên chủ sở hữu thửa đất có diện tích 54,82 m² đất và nhà ở tại địa chỉ nhà A- nhà B- TTQĐBĐ A, T, T, Hà Nội. Nhà đất này

hiện chưa đăng ký biến động vợ ông Đ là bà Đặng Thị T1 cùng các con là anh Nguyễn Bá K và chị Nguyễn Thanh Thủy V. Hiện nay, bà T1, anh K, vợ anh K là chị H, cháu Bảo H1, cháu Trung K1 hiện đang sinh sống trên đất.

6. Tại Biên bản xác minh ngày 31/10/2023, UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương cung cấp: UBND xã H đã nhận được giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương đối với bà T1, anh K. UBND xã đã giao bộ phận văn thư xã chuyển cho đương sự. Tuy nhiên, lý do anh K không đến làm việc thì địa phương không nắm được. UBND xã cung cấp giấy báo tử của bà Đặng Thị T1. Bà T1 đã mất từ ngày 17/10/2022 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

7. Tại biên bản xác ngày 31/10/2023 và ngày 08/11/2024, Công an xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương cung cấp: Bà Đặng Thị T1, anh Nguyễn Bá K có đăng ký tạm trú tại Xóm F, thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương từ ngày 06/01/2022. Anh Nguyễn Bá K hiện đã hết thời hạn tạm trú tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Trên dữ liệu thẻ hiện nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của công dân Nguyễn Bá K, sinh năm 1985, số CCCD: 030085003145 hiện đang ở thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

8. Kết quả định giá tài sản xác định:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất 227, tờ bản đồ số 05, diện tích 308,3m² tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương có giá trị 6.000.000 đồng/m² đất ở nông thôn. Tài sản trên đất: Nhà ở diện tích xây dựng 70m², diện tích sàn 105m², kết cấu tường chịu lực, mái bê tông cốt thép, số tầng: 02, xây dựng năm 2012 có giá trị 274.192.000 đồng; Nhà ở (nhà thờ), diện tích xây dựng 30m², kết cấu tường chịu lực, lợp mái ngói, xây dựng năm 2012 (Không tiến hành định giá được do không đủ thông tin). Quyền sử dụng đất Trang trại đã điều Trung Kiên tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương có giá trị đất nông nghiệp là 300.000 đồng/m². Công trình xây dựng Trang trại đã điều T4 (Không tiến hành định giá được do không đủ thông tin). Chiếc xe TOYOTA VIOS, BKS : 29A- 67.725 (Đối với xe số tự động có giá trị còn lại là 280.000.000 đồng, đối với xe số sàn có giá trị 250.000.000 đồng).

Căn hộ 01- Nhà B, ngách A đường P, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là số F, ngách A đường P, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ số 10123338029 do UBND thành phố H cấp ngày 09/5/2002, diện tích đất ở có giá trị 40.000.000 đồng/m²; Nhà mái bằng bê tông cốt thép 04 tầng, 01 tum (phần tum xây hết diện tích), diện tích xây dựng là 54,82 m², giá trị còn lại là 828.110.000 đồng.

9. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2025/QĐ-SCBSBA ngày 03/7/2025, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng) quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C.

Buộc anh Nguyễn Bá K, chị Nguyễn Thanh Thủy V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người chết (ông Nguyễn Bá Đ) để lại trong phạm vi di sản của

ông Nguyễn Bá Đ, cụ thể anh Nguyễn Bá K và chị Nguyễn Thanh Thủy V có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả nợ bà Ngô Thị C số tiền 1.139.111.000 đồng (đã làm tròn) và giá trị 3 lượng vàng SJC, giá trị tính bằng tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là 03 lượng vàng SJC x 117.400.000 đồng = 352.200.000 đồng. Tổng cộng là 1.139.111.190 đồng + 352.200.000 đồng = 1.491.311.000 đồng (đã làm tròn).

Buộc anh Nguyễn Bá K, chị Nguyễn Thanh Thủy V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người chết (ông Nguyễn Bá Đ) để lại trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Bá Đ, cụ thể anh Nguyễn Bá K và chị Nguyễn Thanh Thủy V có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho bà Ngô Thị C số tiền lãi 457.204.000 đồng (đã làm tròn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

10. Ngày 28/6/2025, nguyên đơn Ngô Thị C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông Đ để lại gồm: Nợ gốc 1.264.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC; tiền nợ lãi mức 10%/năm từ ngày 06/3/2017 đến 20/6/2025 (99 tháng) = 1.042.800.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 2.306.800.000 đồng và 03 cây vàng SJC.

11. Ngày 08/7/2025, bị đơn Nguyễn Bá K và Nguyễn Thanh Thủy V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

12. Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/7/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Hải Phòng đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do: Vi phạm về việc thu thập, xác minh và đánh giá chứng cứ không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án; xác định thiếu người tham gia tố tụng là anh Đào Ngọc C3 liên quan đến số tiền 500.000.000 đồng anh C3 chuyển vào tài khoản của ông Đ ngày 31/5/2017. Vi phạm trong việc tính số tiền gốc và tiền lãi từ khoản vay của ông Đ. Vi phạm trong việc tính án phí và tuyên lãi suất chậm thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; xác định ngày 25/01/2019 nguyên đơn chỉ chuyển khoản cho ông Đ 100.000.000 đồng, tại cấp sơ thẩm xác định số tiền chuyển trong ngày này 200.000.000 đồng là không đúng. Do vậy, nguyên đơn xác định từ sau ngày 06/3/2017 đến trước khi ông Đ chết, nguyên đơn chuyển khoản cho ông Đ 1.397.500.000 đồng, ông Đ chuyển cho nguyên đơn 1.626.500.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn chịu tiền lãi đối với số tiền mặt xác định là nợ gốc từ ngày 16/6/2021.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; xác định từ sau ngày 06/3/2017 ông Đ chuyển khoản cho bà C 1.626.500.000đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xác định khoản tiền 500.000.000đồng anh C3 chuyển khoản cho ông Đ không phải tiền của bà C.

Chị Tường Thị Hồng H là đại diện hợp pháp của Công ty X xác định mặc dù trong Giấy vay tiền do nguyên đơn xuất trình có đóng dấu của Công ty X nhưng số tiền ghi trong giấy vay không nhập vào tài sản của công ty, nếu có việc vay nợ thì đó là khoản vay riêng của cá nhân ông Đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bị đơn chỉ phải chịu tiền lãi suất chậm trả trên số tiền mặt đã cho vay, không phải chịu lãi suất chậm trả đối với giá trị 03 lượng vàng. Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Thời điểm chịu lãi suất thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Không chấp nhận kháng cáo sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án. Do sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tài liệu trong hồ sơ do Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng chuyển cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ có kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng. Ngày 24/3/2026, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mới nhận được hồ sơ kháng cáo của bị đơn do Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng chuyển đến. Tại hồ sơ kháng cáo của bị đơn, biên bản giao nhận đơn kháng cáo do bị đơn xuất trình và giải trình của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã nộp đơn kháng cáo ngày 07/8/2025, do sơ xuất cấp sơ thẩm làm thất lạc hồ sơ kháng cáo của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã khắc phục sơ xuất, thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bị đơn kháng cáo đúng thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với Thẩm phán, Thư ký đã thiếu trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý đơn kháng cáo của bị đơn trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 06/3/2017, các giấy nộp tiền vào tài khoản do nguyên đơn xuất trình, sao kê tài khoản ngân hàng của nguyên đơn và tài khoản của ông Đ. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Từ năm 2014, bà C nhiều lần cho ông Đ vay tiền. Ngày 06/3/2017, hai bên chốt nợ bằng Giấy vay tiền có chữ ký của bên vay là ông Nguyễn Bá Đ, có đóng dấu của Trang trại đà điều T4- Chi nhánh Công ty TNHH X và dấu chức danh Giám đốc Chi nhánh- Nguyễn Bá Đ. Theo đó ông Đ vay bà C 1.264.000.000 đồng và 03 lượng vàng SJC. Giấy vay không thể hiện mục đích sử dụng tiền vay và lãi suất.

Bị đơn không thừa nhận việc ông Đ vay tiền bà C nhưng lời khai của những người làm chứng là ông Lê Văn Đ1 là bạn đồng ngũ với ông Đ, bà C thể hiện: Khoảng năm 2016, bà C có trao đổi với ông Đ1 về việc cho bà C mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền, ông Đ1 có hỏi vay tiền để làm gì thì bà C nói ông Đ đang đầu tư trang trại đà điều có nhu cầu vay một số tiền, do là chỗ bạn bè thân quen bà C muốn cho ông Đ vay tiền nhưng không đủ tiền nên mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Điện thế C4 ngân hàng vay tiền. Do là người cùng quê và là bạn đồng ngũ nên ông Đ1 đồng ý. Ngay trong năm 2016 vợ chồng ông Đ1 đã đứng tên làm thủ tục vay ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng cộng với số tiền riêng của ông Đ1 để cho bà C vay. Khoảng tháng 3 năm 2017 bà C, ông Đ có mời ông Đ1 đến nhà bà C để anh em gặp gỡ nhau. Tại đây, ông Đ1 chứng kiến việc ông Đ viết giấy nhận nợ cho bà C nội dung ông Đ vay nợ bà C số tiền 1.264.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC, việc bà C, ông Đ giao nhận tiền, vàng như thế nào thì ông Đ1 không chứng kiến. Lời khai của ông Nguyễn Công L là em rể của bà C xác định, qua bà C, ông L có quen ông Đ. Năm 2016 bà C có đặt vấn đề với ông L về việc cho ông Đ vay số tiền 300.000.000 đồng để ông Đ đầu tư trang trại đà điều và ông Đ có điện thoại hỏi vay tiền. Do tin ông Đ nên ông L đã cho ông Đ vay 02 lần tổng 300.000.000 đồng. Sau đó ông Đ tiếp tục hỏi vay tiền nhưng ông L nói không còn tiền để cho ông Đ vay. Khi đó ông Đ có nói với ông L “Chú không phải lo, anh còn vay của chị C hơn 1 tỷ mà”. Như vậy, lời khai của những người làm chứng phù hợp lời khai của nguyên đơn, phù hợp với nội dung Giấy vay nợ nên có căn cứ xác định việc vay nợ giữa bà C và ông Đ theo Giấy vay nợ ngày 06/3/2017 là có thật.

Tại Giấy vay nợ có đóng dấu của trang trại Đà điều Trung Kiên- Chi nhánh Công ty TNHH X và dấu chức danh Giám đốc chi nhánh- Nguyễn Bá Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Tường Thị Hồng H là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH X xác định Công ty không nhận số tiền ghi trong Giấy vay nợ nhập vào tài sản của công ty. Do đó, cấp sơ thẩm xác định khoản vay ghi trong Giấy vay nợ ngày 06/3/2017 là khoản vay của cá nhân ông Đ là có căn cứ.

Sau ngày 06/3/2017 đến trước khi ông Đ chết (23/02/2021), bà C và ông Đ nhiều lần chuyển tiền cho nhau nhưng chưa có tài liệu nào xác định hai bên đã thanh toán dứt điểm các khoản tiền. Do đó, cần xác định rõ các khoản tiền nêu trên để đánh giá, xem xét việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng vay tài sản.

Tại Giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C5 ngày 31/5/2017 (BL 489) do bà C giao nộp thể hiện anh Đào Ngọc C3 nộp vào tài khoản số 19028651270025 Ngân hàng TMCP K2 của ông Đ số tiền 500.000.000đồng. Cấp sơ thẩm không ghi lời khai của anh C3 để xác định số tiền trên của ai, lý do anh C3 nộp tiền vào tài khoản của ông Đ nhưng đã kết luận đó là khoản tiền bà C cho ông Đ vay là thiếu căn cứ. Ngày 07/4/2026, Tòa án cấp phúc thẩm đã làm việc với anh Đào Ngọc C3, theo đó anh C3 xác định không quen biết và không cho ông Đ vay tiền. Năm 2017, vợ chồng anh C3 mua nhà đất của bà C, khi đó đất của bà C đang thế chấp tại Ngân hàng nên bà C có đề nghị vợ chồng anh C3 đến Ngân hàng làm thủ tục chuyển trả tiền, giải chấp quyền sử dụng đất để là thủ tục chuyển nhượng. Vợ chồng anh C3 xác định không liên quan đến vụ án, tiền giữa bà C và ông Đ hai bên tự giải quyết và đề nghị Tòa án không đưa vợ chồng anh vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó, có căn cứ xác định số tiền 500.000.000đồng do anh Đào Ngọc C3 nộp vào tài khoản của ông Đ ngày 31/5/2017 là tiền của bà C cho ông Đ vay. Như vậy, sau ngày 06/3/2017, qua tài liệu sao kê tài khoản và chứng cứ của bà C cung cấp xác định, bà C còn chuyển khoản cho ông Đ 14 lần với tổng số tiền 1.397.500.000đồng (Cấp sơ thẩm xác định số tiền này là 1.491.611.190đồng là chưa chính xác).

Tổng số tiền và vàng bà C cho ông Đ vay là 1.264.000.000 đồng + 1.397.500.000 đồng = 2.661.500.000 đồng và 03 cây vàng SJC. Tài liệu sao kê tài khoản xác định sau ngày 06/3/2017 ông Đ đã chuyển trả bà C tổng số tiền 1.626.500.000 đồng (Cấp sơ thẩm xác định số tiền này là 1.616.500.000đồng là chưa chính xác). Đãi trừ ông Đ còn nợ bà C số tiền là 1.035.000.000 đồng và giá trị 03 cây vàng SJC tính theo giá của Ngân hàng N tại thời điểm xét xử là 03 lượng vàng SJCx 117.400.000 đồng = 352.200.000 đồng. Tổng cộng là 1.387.200.000 đồng.

Ông Nguyễn Bá Đ vay số tiền + vàng như trên của bà Ngô Thị C, bà Đặng Thị T1, Anh Nguyễn Bá K, chị Nguyễn Thanh Thủy V đều không biết nên có căn cứ xác định đây là khoản vay riêng của ông Đ. Do ông Đ và bà T1 chết, bà C yêu cầu những người thừa kế là anh Nguyễn Bá K, chị Nguyễn Thanh Thủy V thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trong phạm vi di sản của ông Đ để lại là có căn cứ.

Về lãi suất: Do giấy vay tiền không ghi lãi suất và không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên hợp đồng vay tài sản giữa ông Đ và bà C là hợp đồng không thời hạn và không có lãi. Các bên thừa nhận ngày 16/3/2021 bà C có yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ thanh toán trả nợ. Cấp sơ thẩm xác định thời gian bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ sau ngày ông Đ chết, ngày 16/3/2021 là 03 tháng tức là ngày 16/6/2021 là thời hạn hợp lý. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, bị đơn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả 1.035.000.000 đồng từ ngày 16/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/6/2025) là 1465 ngày, mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) = 415.417.080đồng.

Về lãi chậm thi hành án: Hợp đồng vay giữa bà C và ông Đ là hợp đồng không có lãi suất. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm là không đúng hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, sửa bản án sơ thẩm về số tiền gốc, số tiền lãi và thời điểm chịu lãi suất chậm thi hành án. Do sửa bản án về nghĩa vụ trả nợ của bị đơn nên cần sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng) như sau:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 614, 615, 651, 658, 357 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Bá K và chị Nguyễn Thanh Thủy V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản do ông Nguyễn Bá Đ đã chết để lại như sau:

Trả bà Ngô Thị C số tiền gốc là 1.035.000.000 đồng và giá trị 03 cây vàng JSC tính theo giá của Ngân hàng N tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 352.200.000 đồng, tổng cộng là 1.387.200.000 đồng. Nợ lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 16/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 415.417.808 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Bá K và chị Nguyễn Thanh Thủy V phải chịu 66.078.534 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

1.3. Anh Nguyễn Bá K và chị Nguyễn Thanh Thủy V chỉ phải thực hiện các nghĩa vụ nêu tại mục 1.1 và 1.2 phần Quyết định của bản án này trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Bá Đ để lại.

2. Hoàn trả anh Nguyễn Bá K và chị Nguyễn Thanh T2 V số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003149 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND KV13-Hải Phòng;
- VKSND KV13-Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu